

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG SỬ DỤNG THUẬT NGỮ DÂN TỘC VÀ TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY¹

CN. Tạ Hữu Dực
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Khái niệm hay thuật ngữ “dân tộc”, “tộc người” đã được sử dụng phổ biến từ lâu ở Việt Nam trong nghiên cứu khoa học, sách báo và các văn bản chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn tồn tại sự không thống nhất trong cách hiểu và sử dụng hai thuật ngữ này. Vấn đề tưởng như vô cùng đơn giản, nhưng lại chưa được quan tâm giải quyết đúng mức nên đã gây ra nhiều khó khăn cho các nhà nghiên cứu cũng như các nhà quản lý trong hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hiện chính sách, hội nhập quốc tế... Bài viết này được tiếp cận từ góc độ Dân tộc học/Nhân học nhằm đề cập thực trạng các cách hiểu và sử dụng thuật ngữ “dân tộc”, “tộc người” ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Dân tộc, tộc người, sử dụng thuật ngữ dân tộc và tộc người.

Đã từ lâu ở Việt Nam, trong các văn kiện chính trị, văn bản pháp luật, chính sách Nhà nước, các công trình khoa học, trên những phương tiện thông tin đại chúng và giao tiếp thông thường, khái niệm “dân tộc” được dùng vừa để chỉ một tộc người cụ thể (dân tộc Kinh, dân tộc Tày, dân tộc Dao...), vừa để chỉ một cộng đồng quốc gia của nhiều tộc người như dân tộc Việt Nam. Chúng ta nói dân tộc Việt Nam là một nhưng cũng nói dân tộc Việt Nam bao gồm dân tộc Kinh, dân tộc Hmông, dân tộc Thái,... Cách dùng này không thật chuẩn về mặt logic và thuật ngữ khoa học nhưng đã trở thành thói quen. Vậy

trên thực tế, nhìn dưới góc độ Dân tộc học/Nhân học ở Việt Nam hiện nay, các thuật ngữ này được hiểu và sử dụng như thế nào? Bài viết này mong muốn góp phần làm sáng tỏ thêm vấn đề trên.

1. Khái niệm “tộc người”, “dân tộc”

Khái niệm *tộc người* có từ rất sớm trong lịch sử. Trong ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại đã xuất hiện thuật ngữ *ethnos*, bao hàm nhiều nghĩa khác nhau như bầy, đám đông, một nhóm người, bộ lạc, tộc người,... Phân tích nghĩa gốc của từ này cho thấy, nó dùng để chỉ một tổng thể người sống giống nhau, có những đặc điểm chung như phong tục, tập quán, thói quen hàng ngày (Ngô Văn Lê, 2004, tr. 10). Nửa sau thế kỷ XIX, thuật ngữ *ethnos* vẫn được dùng theo những nghĩa khác nhau, như để chỉ giai đoạn tiền sử trong lịch sử loài người, hoặc để gọi các vùng văn hóa hay các yếu tố văn hóa,... Chỉ từ những năm

¹ Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2017: “Một số vấn đề cơ bản trong nghiên cứu lý luận về tộc người hiện nay ở Việt Nam” do ThS. Vũ Tuyết Lan và ThS. Nông Bằng Nguyên làm chủ nhiệm.

cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX trở đi, khái niệm *ethnos* với ý nghĩa là tộc người mới dần được xác lập trong khoa học.

Vậy theo một số nhà khoa học Việt Nam, thuật ngữ dân tộc - *ethnos/ethnie* được quan niệm như thế nào? Theo Bé Viết Đăng thì “Dân tộc là một tập đoàn người ổn định hoặc tương đối ổn định được hình thành trong lịch sử dựa trên những mối liên hệ chung về địa vực cư trú, sinh hoạt kinh tế, đặc điểm sinh hoạt văn hóa, trên cơ sở những mối liên hệ đó ở mỗi dân tộc còn có một ý thức về thành phần dân tộc và tên gọi riêng của mình” (Bé Viết Đăng, 1975, tr. 76).

Phan Hữu Dật xác định: thuật ngữ “dân tộc” trong Dân tộc học cần được hiểu, đó là tộc người, tiếng Hy Lạp là *ethnos*, tiếng Pháp là *ethnie*. Ông đưa ra khái niệm “tộc người là cộng đồng người hình thành trong lịch sử, mang ba tiêu chuẩn chủ yếu sau: (a) Cùng chung tiếng nói; (b) Cùng có chung một ý thức tự giác tộc người, biểu hiện ở một tên tự gọi chung; (c) Có những yếu tố văn hóa thống nhất. Như vậy, chừng nào cộng đồng người mang đầy đủ ba tiêu chuẩn chủ yếu trên đây, thì đó là một tộc người riêng biệt. Khi ba tiêu chuẩn đó mất đi, thì tộc người đó không còn tồn tại như một cộng đồng người riêng biệt nữa” (Phan Hữu Dật, 1998, tr. 455).

Lê Sỹ Giáo giải thích: “khái niệm dân tộc thực chất phải được hiểu là tộc người (*ethnie*). Tộc người là hình thái đặc biệt của một tập đoàn xã hội xuất hiện không phải do ý nguyện của con người mà là trong kết quả của quá trình tự nhiên - lịch sử” (Lê Sỹ Giáo và cộng sự, 2002, tr. 8).

Đặng Nghiêm Vạn phân biệt *nation* là dân tộc và *ethnie* là tộc người, và hai thuật ngữ *ethnos*, *ethnie*, theo ông, đều chỉ khái niệm tộc người. Đặng Nghiêm Vạn đưa ra luận điểm dân tộc (*nation*) theo nghĩa được Liên Hợp Quốc công nhận: “thuật ngữ *nation* có nghĩa là một cộng đồng nhân dân (*people*) ổn định được phát triển trong lịch sử, với một lãnh thổ, một sinh hoạt kinh tế, một đặc trưng văn hóa, một tiếng nói chung, chỉ đạo bởi một nhà nước” (Đặng Nghiêm Vạn, 2003, tr. 20).

Mở rộng thuật ngữ dân tộc (*nation*), Phan Huy Lê dẫn giải: “riêng từ dân tộc theo hiểu biết của tôi cho đến nay thì người Việt Nam đầu tiên sử dụng là nhà yêu nước Phan Bội Châu trong *Lưu Cầu huyết lệ tân thư* khoảng trước năm 1905. Từ dân tộc do các trí thức cấp tiến Nhật Bản sáng tạo trên cơ sở chữ Hán để dịch từ *nation* trong tiếng Anh. Nhưng ở Việt Nam, trong quá trình sử dụng, từ dân tộc mang nhiều nghĩa khác nhau. Thứ nhất, là một đơn vị tộc người nói chung, không phân biệt cấp độ loại hình cộng đồng như trường hợp nói: dân tộc Kinh, dân tộc Tày, dân tộc Thái,... Thứ hai, là cộng đồng quốc gia bao gồm nhiều cộng đồng cư dân, tộc người sống trên một lãnh thổ do một nhà nước quản lý, như trường hợp nói dân tộc Việt Nam, dân tộc Lào, dân tộc Campuchia,... Thứ ba, là một cộng đồng mang tiêu chí của *nation* như phương Tây (Phan Huy Lê, 2008, tr. 3).

Theo Hoàng Chí Bảo: “Tộc người hay dân tộc (theo thuật ngữ thường dùng) *ethnie*, là một cộng đồng mang tính tộc người, có chung một tên gọi, một ngôn ngữ (trừ trường hợp cá biệt), được liên kết với nhau bằng

những giá trị sinh hoạt văn hóa tạo thành một tính cách tộc người, có chung một ý thức tự giác, tức là có chung một khát vọng cùng chung sống, có chung một số phận lịch sử (truyền thống, lịch sử, huyền thoại, kiêng cử)” (Hoàng Chí Bảo, 2009, tr. 35).

Như vậy, những luận điểm trên đều thống nhất xác định thuật ngữ *ethnos*, *ethnie* là để chỉ tộc người, còn *nation* là dân tộc - quốc gia có ngữ nghĩa rộng lớn hơn, theo cách hiểu toàn thể mọi tầng lớp nhân dân, các tộc người cùng chung sống trong một quốc gia. Dân tộc là điều kiện, cơ sở hình thành quốc gia độc lập, có chủ quyền dưới sự quản lý của một nhà nước. Tiêu chí dân tộc gắn liền với chủ quyền đất nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một.

2. Sử dụng thuật ngữ “dân tộc”, “tộc người” ở Việt Nam

2.1. Sử dụng thuật ngữ “dân tộc”, “tộc người” trong các công trình nghiên cứu

Trong giới khoa học Việt Nam, có nhiều ý kiến tranh cãi xung quanh vấn đề sử dụng thuật ngữ “dân tộc” và “tộc người”. Có quan điểm cho rằng không thể để tình trạng sử dụng thuật ngữ “dân tộc” để vừa chỉ dân tộc, vừa chỉ tộc người như hiện nay. Tuy nhiên, đề nghị này vẫn chưa được tất cả các học giả tán thành, sử dụng.

Khảo sát các nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn đã xuất bản ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy, thuật ngữ “tộc người” đã được sử dụng khá phổ biến trong giới Dân tộc học, Nhân học (ở miền Nam trước 1975 gọi là sắc tộc), nhất là trong những năm gần đây, việc sử dụng thuật ngữ “tộc người” gần như được khẳng định trong

giới Dân tộc học/Nhân học thể hiện qua nhiều công trình nghiên cứu của những nhà dân tộc học hàng đầu ở Việt Nam. Từ thập niên 80 của thế kỷ XX trở lại đây, trong nhiều công trình của các nhà nghiên cứu như Đặng Nghiêm Vạn, Phan Hữu Dật, Bé Viết Đăng, Lê Sỹ Giáo, Khổng Diễn... khái niệm “tộc người” đã được sử dụng và xác định khá rõ ràng, thuyết phục. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu dù đã phân biệt sự khác nhau giữa hai thuật ngữ “dân tộc” và “tộc người”, nhưng trong tình huống cụ thể, bản thân họ vẫn sử dụng thuật ngữ “dân tộc” để chỉ các tộc người. Trong cuốn sách “*Cộng đồng Quốc gia dân tộc Việt Nam*”, Đặng Nghiêm Vạn đã chỉ ra thế nào là một dân tộc và thế nào là một tộc người. Trong công trình này, tác giả đặt vấn đề cần nhìn nhận lại định nghĩa dân tộc của J. V. Xtalin, đồng thời chỉ ra bốn con đường hình thành cộng đồng quốc gia dân tộc. Tác giả khẳng định, không thể lẫn cộng đồng tộc người với cộng đồng dân tộc, bởi lẽ dân tộc phải có hai yếu tố cơ bản: dựa trên một lãnh thổ, có một biên giới được xác định và phải thành lập một nhà nước được thế giới công nhận. Còn tộc người, ngược lại là một cộng đồng mang tính tộc người, không nhất thiết phải cư trú trên cùng một lãnh thổ, có chung nhà nước, dưới sự chỉ đạo của một chính phủ với những đạo luật chung (Đặng Nghiêm Vạn, 2003, tr. 28-33).

Phan Hữu Dật cũng tương đồng với Đặng Nghiêm Vạn khi cho rằng, định nghĩa “dân tộc” của J. V. Xtalin hiện không còn phù hợp với thực tiễn không chỉ của phương Đông được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm các dân tộc ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh, mà ngay cả châu Âu cũng không còn thích hợp. Ông khẳng định, cần phải quay trở lại

với quan điểm của C. Mác và Ph. Ăng ghen về dân tộc, khi các ông nói, Nhà nước là điều kiện tồn tại của dân tộc hay thuật ngữ “dân tộc” được dùng để chỉ các cộng đồng người đạt trình độ có nhà nước, không phân biệt đó là nhà nước loại gì (Phan Hữu Dật, 2001, tr. 17-18, 26-28).

Bùi Xuân Đỉnh trong cuốn “*Các tộc người ở Việt Nam*” cũng chỉ ra sự khác nhau giữa hai thuật ngữ “dân tộc” và “tộc người”. Tuy nhiên, tác giả cho rằng, việc dùng khái niệm “tộc người” vừa để chỉ dân tộc quốc gia (như dân tộc Việt Nam), lại vừa để chỉ một tộc người cụ thể (như tộc người Tày, Nùng...) trong các văn kiện chính trị, văn bản nhà nước, các công trình khoa học, sách báo và cả giao tiếp thường ngày ở nước ta lâu nay đã ăn sâu vào thói quen, ý thức của các tầng lớp cư dân là không chuẩn về mặt khoa học (Bùi Xuân Đỉnh, 2012, tr. 11-14).

Như vậy, hầu hết các nhà nghiên cứu khi bàn đến khái niệm “dân tộc” đều thống nhất, dân tộc có hai cách hiểu: dân tộc - quốc gia và dân tộc - tộc người. Xét cho cùng, sự khác biệt và phức tạp của vấn đề định nghĩa “tộc người” lại nằm ở việc xác định các tiêu chí cấu thành đặc điểm tộc người. Đây chính là lĩnh vực mà giữa các nhà khoa học vừa có sự gặp gỡ nhau nhưng cũng có sự khác biệt trong nhận thức, lập luận và quan điểm.

Ở Việt Nam, những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, các nhà nghiên cứu đã quan tâm đến việc xác định các tiêu chí cấu thành đặc điểm tộc người. Trong thập niên này, một số công trình viết về các tộc người Việt Nam và nhận diện đặc điểm của các tộc người như: *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam* của Vương Hoàng Tuyền

và cộng sự (1963), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam* của Lã Văn Lô và Đặng Nghiêm Vạn (1968),...

Năm 1973 tại Hà Nội đã diễn ra hai hội thảo khoa học về tiêu chí xác định đặc điểm các tộc người. Hội thảo đã đạt được sự nhất trí về các vấn đề trọng yếu là: thống nhất lấy dân tộc (tộc người) làm đơn vị cơ bản trong việc xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam. Nhất trí về ba tiêu chí để xác định một dân tộc (tộc người) là: có tiếng nói chung (ngôn ngữ); có chung những đặc điểm sinh hoạt văn hóa; có cùng ý thức tự giác, tự nhận cùng một dân tộc (tộc người) (Khổng Diễn, 2002, tr. 10).

Tuy nhiên, từ năm 1979 đến nay, cả trong nghiên cứu lý luận cũng như trong đời sống thực tiễn của các tộc người ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Trong giáo trình *Dân tộc học đại cương* xuất bản năm 1998, Ngô Văn Lệ và Nguyễn Văn Tiếp đã đưa ra bốn tiêu chí cấu thành đặc điểm chủ yếu của tộc người là: ngôn ngữ tộc người, lãnh thổ tộc người, cơ sở kinh tế tộc người, sinh hoạt văn hóa tộc người và ý thức tộc người (Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự, 1998, tr. 20).

Tại Hội thảo Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc Việt Nam, tác giả Phan Hữu Dật cho rằng, ba tiêu chí ngôn ngữ, văn hóa và ý thức tự giác tộc người thể hiện trong tên tự gọi cần tiếp tục được duy trì, áp dụng trong việc xác định thành phần tộc người ở nước ta. Tuy nhiên, theo ông, cần cân nhắc có nên lấy thêm một tiêu chí thứ tư nữa không, đó là có cùng chung nguồn gốc lịch sử (Phan Hữu Dật, 2002, tr. 44).

Một số học giả khác như Hoàng Lương, Nguyễn Văn Mạnh, Lê Ngọc Thắng... trong khi khẳng định giá trị của ba tiêu chí cấu

thành tộc người được đưa ra từ những năm 70 của thế kỷ XX, đã đề nghị cần điều chỉnh hoặc bổ sung thêm một số tiêu chí khác. Chẳng hạn, Hoàng Lương đưa ra năm tiêu chí xác định đặc điểm cấu thành tộc người là: ý thức tự giác tộc người; ngôn ngữ tộc người; đặc trưng sinh hoạt văn hóa truyền thống; Tiêu chí lãnh thổ tộc người (chủ yếu là thời cổ đại); Tiêu chí cơ sở kinh tế nguyên thủy. Trong năm tiêu chí trên, Hoàng Lương coi ý thức tự giác tộc người là tiêu chí bao trùm nhất và nhấn mạnh: Bốn tiêu chí trên đây phải bắt đầu và căn cứ vào tiêu chí ý thức tự giác tộc người. Nói khác đi, ý thức tự giác tộc người là tiêu chí bao trùm và làm cơ sở cho việc xem xét các tiêu chí còn lại. Thực ra, khi một tộc người nào đó đã được sinh ra và tồn tại thì tộc người đó cũng đã tự khẳng định được sức sống của mình. Khi bàn phải dựa vào thực tế đó (Hoàng Lương, 2002, tr. 73). Ngược lại với Hoàng Lương, Nguyễn Văn Mạnh lại cho rằng, tiêu chí ý thức tự giác tộc người chỉ là tham khảo, mà tiêu chí ngôn ngữ và văn hóa là hai yếu tố cơ bản có tính quyết định cho sự tồn tại của các tộc người. Ngoài ra, còn phải chú ý đến các tiêu chí: ý thức tự giác tộc người, lãnh thổ tộc người, chế độ nội hôn (Nguyễn Văn Mạnh, 2002, tr. 76). Trong khi đó, Lê Ngọc Thắng đưa ra năm tiêu chí cấu thành tộc người là: có tên gọi chung; có ngôn ngữ chung; có cùng nguồn gốc lịch sử và ý thức chung về nguồn gốc; có bản sắc văn hóa riêng để phân biệt với tộc người khác và có sự gắn kết với một vùng đất nhất định trong lịch sử và trong hiện tại (Lê Ngọc Thắng, 2002, tr. 87).

Phân biệt “dân tộc” và “tộc người”, chỉ ra những tiêu chí để nhận diện đặc điểm tộc người là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến. Những công trình nêu

trên đã đưa ra các nhận định hợp lý về sự khác nhau giữa dân tộc và tộc người, được sự ủng hộ, thống nhất của giới nghiên cứu khoa học. Bàn về tiêu chí nhận diện đặc điểm các tộc người, tuy còn có khá nhiều ý kiến khác nhau, nhưng các nhà nghiên cứu đều nhận định, những tiêu chí cơ bản cấu thành đặc điểm các tộc người bao gồm: ngôn ngữ, lịch sử tộc người, cơ sở kinh tế của tộc người, sinh hoạt văn hóa và ý thức tự giác tộc người.

Dựa trên cơ sở tiêu chí xác định thành phần dân tộc ở Việt Nam được các nhà khoa học và hoạt động thực tiễn về công tác dân tộc xây dựng từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX, tộc người ở nước ta được hiểu là một nhóm cư dân có sự thống nhất về ngôn ngữ, văn hóa và ý thức tự giác tộc người, trong đó tiêu chí thứ ba là quan trọng nhất. Một cá nhân có thể không còn khả năng sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, không thực hành văn hóa truyền thống nhưng vẫn ý thức mình thuộc về tộc người nào, nên cộng đồng và những người có trách nhiệm vẫn phải tôn trọng ý thức này.

Tuy nhiên, quan niệm về tộc người ở Việt Nam có những điểm khác so với một số nước trên thế giới. Ở Liên Xô (cũ), các nhà dân tộc học cho rằng, tộc người là một cộng đồng người có bản sắc riêng, cùng chia sẻ những đặc điểm cơ bản như tên gọi riêng, ngôn ngữ, lãnh thổ, những đặc điểm đặc biệt về tinh thần, văn hóa và nếp sống hàng ngày cũng như một số hình thái đặc biệt về tổ chức lãnh thổ - xã hội hay một định hướng để tạo nên một đặc trưng nào đó. Cộng đồng tộc người có thể được hình thành trên một lãnh thổ cụ thể nhưng cũng có thể xuyên qua những đường biên giới, và có những

pha trộn đáng kể các thành tố xã hội được thu nhận trong tiến trình phát triển. Tại các nước phương Tây, ngoài những đặc điểm chung về văn hóa, tộc người được quan niệm là nhóm cư dân có chung nguồn gốc, trên cơ sở huyết thống - dù thật hoặc chỉ có tính tưởng tượng (trường phái *Bản thể luận*); hay sự cạnh tranh giữa các nhóm chính là điều kiện cơ bản làm nảy sinh tính tộc người (trường phái *Tình thế luận*) (Nguyễn Văn Chính, 2016, tr. 131-146).

Vi khái niệm dân tộc, tộc người được dùng ở Việt Nam có nhiều nghĩa như trên nên một số nhà khoa học đã đề xuất, thuật ngữ dân tộc nên dùng để chỉ các dân tộc - quốc gia theo nghĩa “*nation*” ở bất kỳ chế độ xã hội nào, từ nô lệ, phong kiến, tư bản đến xã hội chủ nghĩa, như trường hợp Liên Hiệp Quốc hay dùng để chỉ một quốc gia - dân tộc. Còn các thành phần dân tộc cụ thể nên gọi là tộc người, tương ứng với thuật ngữ *ethnos*, *ethnie*, *ethnic*.

2.2. Sử dụng các thuật ngữ “dân tộc”, “tộc người” trong đời sống, sách báo và các văn bản chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước

Ở Việt Nam, trong ngôn ngữ sử dụng hàng ngày, trên những phương tiện thông tin đại chúng, các tài liệu sách báo chính trị - xã hội, thuật ngữ “tộc người” không được sử dụng phổ biến. Thay vào đó, thuật ngữ “dân tộc” vừa dùng để chỉ các tộc người như 54 tộc người ở Việt Nam, vừa được dùng để chỉ một quốc gia như: dân tộc Việt Nam, dân tộc Nga, dân tộc Mỹ,... Trong nhiều chương trình giáo dục phổ thông cũng như đại học, việc sử dụng lẫn các khái niệm “dân tộc” và “tộc người” cũng xảy ra thường xuyên do

học sinh, sinh viên, thậm chí là giảng viên, giáo viên, biên tập viên, phóng viên cũng sử dụng thuật ngữ “dân tộc” với cả hàm nghĩa quốc gia và “tộc người”.

Trong tiếng Việt, từ “dân tộc” được xác định là một cộng đồng dân tộc (*nation*), bao gồm nhiều thành phần tộc người. Thuật ngữ “dân tộc” là một trong những danh từ được dùng phổ biến nhất trên các phương tiện thông tin đại chúng của Việt Nam trong thế kỷ qua như: bảo vệ nền độc lập của dân tộc, dân tộc Việt Nam là một (a), dân tộc Tây, dân tộc Mường, dân tộc Kinh (b). Vậy thuật ngữ dân tộc ở hai trường hợp trên khác nhau như thế nào? Dễ dàng nhận thấy, dân tộc (a) mang hàm nghĩa của đất nước, quốc gia... tương đương với *nation* trong tiếng Anh; còn dân tộc (b) có nghĩa là một nhóm cộng đồng dân cư cùng ngôn ngữ, văn hóa và ý thức tự giác... tương đương với *ethnie*, *ethnic group* trong tiếng Anh. Hiển nhiên, *nation* và *ethnic* hay *ethnic group* là hai thuật ngữ mang hàm nghĩa rất khác nhau, nhưng ở Việt Nam chúng vẫn thường được dùng một cách lẫn lộn. Có lẽ vì lý do đó mà các từ điển ở Việt Nam cũng thường có ít nhất hai nghĩa khác biệt cho một mục từ này. Theo *Từ điển Tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên, xuất bản năm 1998 thì mục từ dân tộc có các nghĩa như sau:

1; Cộng đồng người hình thành trong lịch sử có chung một lãnh thổ, các quan hệ kinh tế, một ngôn ngữ văn học và một số đặc trưng văn hóa và tính cách (dân tộc Việt Nam, dân tộc Nga,...).

2; Tên gọi chung những cộng đồng người cùng chung một ngôn ngữ, lãnh thổ, đời sống kinh tế và văn hóa, hình thành trong lịch sử từ sau bộ lạc (Việt Nam là một

nước có nhiều dân tộc; Đoàn kết các dân tộc để cứu nước).

3; Dân tộc thiểu số (nói tắt). Cán bộ người dân tộc.

4; Cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung. Dân tộc Việt Nam.

Như vậy có thể thấy, nghĩa 1 và 4 tương đương với *nation* trong khi nghĩa 2 và 3 tương đương với *ethnic* trong tiếng Anh.

Không tương đồng với cách dùng của giới khoa học (cụ thể ở đây là các nhà dân tộc học/nhân học), đa số các văn bản hành chính của Nhà nước và các cơ quan quản lý địa phương lại có xu hướng dùng thuật ngữ “dân tộc”, “dân tộc thiểu số”, “dân tộc ít người” thay vì “tộc người” để chỉ các tộc người bao gồm cả đa số và thiểu số ở Việt Nam. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu nhất quán trong việc thể chế hóa các văn bản hành chính và luật pháp.

Kết luận

Qua các định nghĩa, dẫn giải của một số nhà nghiên cứu nêu trên, chúng tôi có thể tạm đưa ra khái niệm tổng quát về “dân tộc” và “tộc người” như sau: dân tộc (*nation*) là cộng đồng người cùng chung sống trong một vùng lãnh thổ nhất định, có một nhà nước độc lập, có chủ quyền quốc gia, có ngôn ngữ (chữ viết, tiếng nói) chung, có bản sắc văn hóa và sinh hoạt kinh tế; tộc người (*ethnie/ethnos*) là một tập đoàn người có tiếng nói chung, có nguồn gốc lịch sử, văn hóa và ý thức tự giác cộng đồng.

Phân biệt *dân tộc* và *tộc người*, chỉ ra những tiêu chí để nhận diện đặc điểm tộc người là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến. Những công trình nêu trên đã đưa ra các nhận định về sự khác nhau giữa *dân tộc* với *tộc người* và được sự ủng hộ, tương đối thống nhất của giới nghiên cứu khoa học. Bàn về tiêu chí nhận diện đặc điểm các tộc người, đặc biệt là tiêu chí nhận diện đặc điểm các tộc người ở Việt Nam hiện còn khá nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau, nhưng có ba tiêu chí chính dùng để xác định thành phần một tộc người là ngôn ngữ, đặc điểm văn hóa và ý thức tự giác tộc người ở Việt Nam vẫn phù hợp, vẫn còn giá trị khoa học và thực tiễn trong bối cảnh lịch sử, chính trị - xã hội của đất nước hiện nay (Vương Xuân Tình, 2016, tr. 4).

Cho đến nay, ở nước ta chưa có một văn bản mang tính pháp lý nào quy định về việc dùng thuật ngữ “dân tộc” và “tộc người”. Thực tế trong tài liệu khoa học cũng như trong đời sống xã hội, thuật ngữ “dân tộc” và “tộc người” có lúc cùng nội dung, cùng nghĩa, có khi khác nhau. Còn trong các văn bản của Đảng và Nhà nước không sử dụng thuật ngữ “tộc người” mà thuật ngữ “dân tộc” được dùng chung cho cả hai khái niệm như trên đã nói. Trước mắt có thể căn cứ vào bối cảnh cụ thể để xác định việc sử dụng đúng hay sai, có phù hợp không. Về định hướng lâu dài, cần hướng đến một sự qui chuẩn trong cách hiểu và sử dụng thuật ngữ “dân tộc” và “tộc người”. Qua đó, tạo sự thống nhất trong cách hiểu và sử dụng hai thuật ngữ này trong tất cả các lĩnh vực của đời sống, tránh sự trùng lặp, thậm chí hiểu sai, nhất là trong hoạt động khoa học, giao lưu hợp tác quốc tế và thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên, 2009), *Bảo đảm bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Chính (2016), “Lý thuyết về tộc người và những thách thức mới trong nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 131-146.
3. Phan Hữu Dật (1998), *Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Phan Hữu Dật (Chủ biên, 2001), *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Khổng Diễn (2002), “Một số vấn đề xác định lại thành phần dân tộc ở Việt Nam”, trong: *Hội thảo khoa học Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
7. Bé Viết Đăng (1975), “Về danh mục các dân tộc thiểu số ở miền bắc nước ta”, trong: *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền bắc Việt Nam*, Viện Dân Tộc Học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Bùi Xuân Đính (2012), *Các tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
9. Lê Sỹ Giáo (Chủ biên, 2002), *Dân tộc học đại cương*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
10. Phan Huy Lê (2008), *Vấn đề hình thành dân tộc và chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam* (Báo cáo tóm tắt tại tọa đàm: Vấn đề dân tộc và chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20), Hà Nội.
11. Ngô Văn Lê (2004), *Tộc người và văn hóa tộc người*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Hoàng Lương (2002), “Những tiêu chí tạo nên một tộc người”, trong: *Hội thảo khoa học Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
14. Nguyễn Văn Mạnh (2002), “Một vài suy nghĩ về tiêu chí xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam”, trong: *Hội thảo khoa học Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
15. Hoàng Nam (1998), *Bước đầu tìm hiểu văn hóa dân tộc, văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc.
16. Hoàng Phê (Chủ biên, 1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Lê Ngọc Thắng (2002), “Trở lại vấn đề tiêu chí xác minh thành phần tộc

người ở nước ta”, trong: *Hội thảo khoa học Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.

18. Vương Xuân Tình (2016), “Về tộc người và cộng đồng quốc gia dân tộc ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 3-13.

19. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Viện Dân tộc học - Viện Ngôn ngữ học (2002), *Bàn về tiêu chí xác định lại thành phần một số dân tộc ở Việt Nam*, Hội thảo khoa học.

20. Vương Hoàng Tuyên (1963), *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

21. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1998), *Dân tộc học đại cương*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

22. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

23. Viện Dân tộc học (1975), *Về vấn đề xác định thành phần dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.



Chợ cột mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc ở xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Ảnh: Lê Thị Thòà, chụp năm 2014